

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**
Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày 05/01/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Liêm

2. Ông Hứa Đình Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lộc- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Mai Duy Định và ông Mạc Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2021/HSST, ngày 24 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Lục Thế T, sinh ngày 16/5/1978; Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: Tổ B, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Cán bộ HKL thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Trình độ văn hóa: 12/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lục Thế T1; con bà Lô Thị K; Có vợ là Nông Thị Đ và có 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không.

2. Văn Tiến H, sinh ngày 06/9/1980; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Văn Phúc C (đã chết); con bà Hà Thị T2; Có vợ là Nguyễn Thị T3 và có 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Các bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

***Nguyên đơn dân sự:**

Công ty TNHH MTV L BK; Đại diện theo pháp luật: Bà Triệu Thị Kim T4 - Chức vụ: Chủ tịch Công ty; Đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Văn H1 - Chức vụ: Giám đốc LT BT (vắng mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hoàng Văn C1 sinh năm 1982 (vắng mặt); Trú tại: thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Ông Mạc Hoàng T5 sinh năm 1983 (vắng mặt); Trú tại: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

3. Ông Bùi Quốc T6 sinh năm 1946 (vắng mặt); Trú tại: thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

4. Ông Bùi Quốc T7 sinh năm 1976 (vắng mặt); Trú tại: thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

5. Ông Lưu Đình T8 sinh năm 1965 (vắng mặt); Trú tại: thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

6. Ông Lưu Đình T9 (đã chết). Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Lưu Đình T9 là ông Lưu Đình C sinh năm 1982; Trú tại: thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

7. Bà Phạm Thị T10 sinh năm 1970 (vắng mặt); Trú tại: Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14 tháng 9 năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quyết định số 1874/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty LNBK thành Công ty TNHH MTV LNBK. Ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quyết định số 1067^a/QĐ-UBND về việc phê duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, khu lâm nghiệp tại xã D, thị xã B (nay là thành phố B) cho Công ty TNHH MTV LNBK.

Ngày 24 tháng 5 năm 2011, Công ty TNHH MTV LNBK ban hành Quyết định số 196/QĐ-CT về việc ban hành Quy chế làm việc của Công ty TNHH MTV LNBK. Quy chế làm việc ban hành kèm theo Quyết định số 196/QĐ-CT... “Điều 10: Trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc các LT, Xí nghiệp và đơn vị tương đương.

1. Giám đốc các LT, Xí nghiệp là người điều hành trực tiếp để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh và dịch vụ của đơn vị được giao và thực hiện nhiệm vụ triển khai công tác quy hoạch, phương án tổ chức sản xuất, dự án đầu tư do Công ty và Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ. Theo nguyên tắc Công ty là cấp chỉ đạo, điều hành; các đơn vị là cấp thực hiện nhiệm vụ do Công ty giao ...

Ngày 09 tháng 3 năm 2012, Công ty TNHH MTV LNBK ban hành Quyết định số 60/QĐ-CTLN về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý và điều hành một số hoạt động của Công ty với các đơn vị phụ thuộc, trong đó có LTBT.

Ngày 03 tháng 9 năm 2013, Công ty TNHH MTV LNBK ban hành Quyết định số 178/QĐ-CT về việc giao nhiệm vụ cho Lục Thế T - Phó Giám đốc LTBT phụ trách LTBT kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013.

Ngày 24 tháng 10 năm 2014, LTBT ban hành Quyết định số 142a/QĐ-LT về việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ đối với Văn Tiến H Phụ trách Tiểu khu Lâm nghiệp Đ kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

Cuối tháng 10 năm 2015, Lục Thế T và Văn Tiến H cùng đi kiểm tra, xác minh điều kiện để làm thủ tục khai thác gỗ tại khu vực rừng khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, thuộc LTBT quản lý, qua kiểm tra T và H xác định được có 05 lô rừng trồng nguyên liệu năm 2008 cây Keo, Mỡ, Bạch đàn đã đến độ tuổi khai thác.

Tại đây T và H gặp Hoàng Văn C1 là người hay đi mua bán gỗ, T trao đổi với C1 về việc muốn bán rừng trồng keo, mỡ, bạch đàn của LTBT tại khu vực khe K, khi trao đổi có H chứng kiến. Sau đó T chỉ đạo H đưa C1 đi xem các lô rừng trồng muốn bán, sau khi xem xong C1 đồng ý mua các lô rừng với giá 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), T tự tính toán 05 lô rừng trên nếu làm thủ tục hồ sơ bán theo giá của LT có giá khoảng từ 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) đến 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) nên đã nảy sinh ý định bán rừng cho C1 trước, sau đó sẽ làm thủ tục khai thác và nộp lại số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) đến 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) cho Công ty TNHH MTV LNBK, số tiền chênh lệch từ 5.000.000đ (năm triệu đồng) đến 10.000.000đ (mười triệu đồng) bản thân T sẽ được hưởng lợi, T có bàn bạc H về việc tính toán, mục đích của mình và đã nhận được sự đồng ý của H. Về thủ tục khai thác rừng trồng theo Thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thì cần có bản thiết kế khai thác (gồm biên bản kiểm tra xác minh hiện trường, biên bản bàn giao hiện trường ...), đăng ký khai thác và quyết định phê duyệt của Công ty TNHH MTV LNBK. Tiếp đó T và C1 nhất trí thỏa thuận về việc C1 mua các lô rừng với giá 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), phía LTBT có trách nhiệm làm hồ sơ, thủ tục khai thác rừng trồng cho bên mua. Để làm thủ tục khai thác, T viết dự thảo Biên bản kiểm tra xác minh hiện trường rồi đưa cho H viết lại hoàn chỉnh, ghi ngày 28/10/2015, H ký vào phần người lập biên bản và đưa cho ông Bùi Quốc T6 là chủ hộ nhận khoán của một trong những lô rừng, ký vào phần chủ hộ, T ký vào phần đại diện LTBT và đưa lại cho H mang về trụ sở LT đến bộ phận văn thư để đóng dấu. Tại đây bà Phạm Thị T10 là cán bộ văn thư quản lý con dấu của LT tiếp nhận và đóng dấu đỏ lên phần chữ ký của Lục Thế T kèm theo dấu chức danh và dấu tên rồi đưa lại cho H. Khi đã có Biên bản kiểm tra xác minh hiện trường, H tiếp tục lập biên bản bàn giao hiện trường khai thác gỗ rừng trồng theo chương trình dự án 661 đề ngày 29/10/2015 (lập thành 02 bản), H ký vào phần Trưởng tiểu khu lâm nghiệp và đưa cho Mạc Hoàng T5 là Cán bộ kỹ thuật của LTBT ký vào phần Trưởng bộ phận kỹ thuật, dịch vụ và bảo vệ rừng rồi đưa cho Hoàng Văn C1 ký bên mua hàng, rồi đóng dấu treo của LTBT và đưa cho C1 01 (một) bản để tổ chức khai thác các lô rừng tại khu vực K.

Sau đó, C1 thuê ông Trịnh Đình D, trú tại thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; ông Lưu Đình C3 trú tại thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; ông Chu Kế D1, ông Nông Phúc Đ1 cùng trú tại thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn và một số người khác không xác định được họ tên, địa chỉ vào khai thác, vận chuyển gỗ, thì một số hộ dân có hợp đồng trồng rừng nhận khoán với LT không cho khai thác, vận chuyển gỗ đối với các lô rừng trồng, với lý do các hộ dân chưa được nhận tiền chăm sóc, trồng rừng theo hợp đồng với LT. Cụ thể: 05 lô rừng trồng nguyên liệu năm 2008 gồm:

+ Lô: p, p1 (rừng trồng theo Dự án 661) khoảnh 5, tiểu khu 338 của chủ hộ nhận khoán là ông Bùi Quốc T6.

+ Lô: q, khoảnh 5, tiểu khu 338 của chủ hộ nhận khoán là ông Bùi Văn T7;

+ Lô: ô, khoảnh 5, tiểu khu 338 của chủ hộ nhận khoán là ông Lưu Đình T9;

+ Lô: ơ, khoảnh 5, tiểu khu 338 của chủ hộ nhận khoán là Lưu Đình T8;

Khi các hộ dân không cho khai thác thì C1 báo lại và Lục Thế T đã chỉ đạo H đến nhà các hộ dân được giao khoán trồng rừng để làm rõ nguyên nhân. Khi H đến, các hộ dân yêu cầu gặp lãnh đạo LT mới làm việc, sau đó T trực tiếp cùng H và C1 đến các hộ gia đình để thỏa thuận và chi trả tiền phần trăm trồng, chăm sóc rừng. T trực tiếp thỏa thuận và được các hộ dân đồng ý nhận tiền phần trăm công trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng. T bảo C1 lấy số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền C1 mua rừng để ứng ra chi trả trước, C1 đã chi hết khoảng 24.909.000đ (hai mươi tư triệu, chín trăm linh chín nghìn đồng) gồm:

- Hộ ông Bùi Quốc T6 nhận 17.400.000đ (mười bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng);

- Hộ ông Lưu Đình T8 909.000đ (chín trăm linh chín nghìn đồng);

- Hộ ông Lưu Đình T9 1.600.000đ (một triệu, sáu trăm nghìn đồng)

- Hộ ông Bùi Văn T7 khoảng 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Sau khi chi trả tiền cho các hộ dân, trên đường về đến khu vực thuộc thôn Q, xã D, C1 đưa số tiền còn lại khoảng 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng) cho Lục Thế T nhưng T bảo đưa cho H nhận, C1 đã đưa cho H số tiền này, khi giao nhận tiền chỉ có C1, H và không ghi biên bản, về đến LTBT, H đưa lại số tiền đã nhận cho T tại phòng làm việc của T. Số tiền này T giữ lại 10.000.000đ (mười triệu đồng), đưa cho T5 2.000.000đ (hai triệu đồng) và đưa cho H 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) mục đích để sử dụng cá nhân và chi trả vào việc ăn uống giữa T, H trước đó. Sau khi hoàn thiện hồ sơ bán rừng trồng để khai thác sẽ trả lại tiền cho Công ty TNHH MTV LNBK theo giá bán thực tế.

Đến tháng 5 năm 2016, Công ty TNHH MTV LNBK (trực thuộc UBND tỉnh Bắc Kạn) phát hiện LTBT xảy ra việc khai thác rừng trồng trái phép tại địa bàn xã D, không có hồ sơ khai thác lâm sản theo quy định tại Thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Sau đó, Công ty TNHH MTV LNBK đã ban hành Quyết định số 169/QĐ-CTLN ngày 05 tháng 10 năm 2016 về Thành lập Ban chỉ đạo xác định giá trị thiệt hại rừng trồng nguyên liệu giấy, rừng trồng nguyên liệu, rừng trồng Dự án 661 tại LTBT; Quyết định số 170/QĐ-CTLN ngày 06 tháng 10 năm 2016 về việc Thành lập tổ công tác xác định giá trị thiệt hại rừng trồng nguyên liệu giấy, rừng trồng nguyên liệu, rừng trồng Dự án 661 tại LTBT; Ngày 11, ngày 12/10/2016 Ban chỉ đạo, Tổ công tác xác định giá trị thiệt hại tại LTBT đã tiến hành điều tra, xác minh các lô rừng trồng keo nguyên liệu năm 2008 gồm:

- Lô: p, khoảnh 5, tiểu khu 338; Lô pl, khoảnh 5, tiểu khu 338 là rừng trồng keo, mỡ và bạch đàn theo Dự án 661 chủ hộ nhận khoán ông Bùi Quốc T6.

- Lô: q, khoảnh 5, tiểu khu 338 chủ hộ nhận khoán ông Bùi Văn T7;

- Lô: ô, khoảnh 5, tiểu khu 338 chủ hộ nhận khoán ông Lưu Đình T9;

- Lô: ơ, khoảnh 5, tiểu khu 338 chủ hộ nhận khoán ông Lưu Đình T8;

Ngày 14/11/2016, Công ty TNHH MTV LNBK tổ chức họp xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại rừng trồng bị khai thác trái phép tại LTBT. Tại cuộc họp Lục Thế T, Văn Tiến H, Mạc Hoàng T5 nhất trí trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Công ty, cụ thể:

- Lục Thế T đền bù thiệt hại với số tiền 31.000.000đ (*ba mươi một triệu đồng*) thể hiện tại phiếu thu số: PT97, ngày 13/12/2016 của Công ty TNHH MTV LNBK;

- Văn Tiến H đền bù thiệt hại với số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) thể hiện tại phiếu thu số: PT99, ngày 13/12/2016 của Công ty TNHH MTV LNBK;

- Mạc Hoàng T5 đền bù thiệt hại với số tiền 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*) thể hiện tại phiếu thu số: PT98, ngày 13/12/2016 của Công ty TNHH MTV LNBK.

Ngày 27/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn chủ trì phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân thành phố, Hạt Kiểm lâm thành phố, chính quyền địa phương và các hộ dân liên quan tiến hành tổ chức khám nghiệm hiện trường các lô rừng trồng gồm lô: p, q, ô, ơ, p1 khoảnh 5, tiểu khu 338 thuộc khe K, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Xác định tổng diện tích rừng trồng khai thác là 3,142 ha = 29.347,41m² cụ thể:

- Lô: p diện tích bị khai thác là 0,952 ha; loài cây: gỗ keo.
- Lô: q diện tích bị khai thác là 0,535 ha; loài cây: gỗ keo.
- Lô: ô diện tích bị khai thác là 0,835 ha; loài cây: gỗ keo.
- Lô: ơ diện tích bị khai thác là 0,23 ha; loài cây: gỗ keo.
- Lô: p1 diện tích bị khai thác là 0,589 ha; loài cây: gỗ keo, gỗ mỡ, bạch đàn.

Ngày 12/7/2018, đã tiến hành khám nghiệm hiện trường bổ sung đối với các lô: p, q, ô, ơ và lô rừng trồng theo Dự án 661 là: p1, khoảnh 5, tiểu khu 338 tại khu vực khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn kết quả: Đã đo đếm được 392 gốc cây bị chặt hạ cụ thể:

- Lô p: 177 gốc cây keo.
- Lô p1: 137 gốc cây. Trong đó keo: 66 gốc; bạch đàn: 50 gốc; mỡ: 21 gốc.
- Lô q: 78 gốc cây keo.
- Đối với các lô ô, ơ không đo đếm được, không có số liệu cụ thể do các gốc cây đã bị mục nát.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 12/02/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Bắc Kạn đối với 392 cây gỗ bị khai thác lấy đi khỏi hiện trường chỉ còn lại phần gốc tại các lô p, q, p1 khoảnh 5, tiểu khu 338, khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Giá trị thiệt hại là: 27.080.000đ (*hai mươi bảy triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTSC, ngày 12/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên cấp tỉnh đối với 06 cây gỗ keo bị khai thác lấy đi khỏi hiện trường chỉ còn lại phần gốc tại các lô: ô, ơ khoảnh 5, tiểu khu 338, khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, giá trị thiệt hại là 490.000đ (*bốn trăm, chín mươi nghìn đồng*).

Trong vụ án có nội dung: Lô P1, khoảnh 5, tiểu khu 338 khu vực khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn rừng trồng theo dự án 661, chủ hộ nhận khoán là ông Bùi Quốc T6. Qua điều tra xác định: Dự án 661 là chương trình trồng 5 triệu ha rừng của Chính phủ bằng ngân sách nhà nước từ năm 1998 đến năm 2010. Lô P1 khoảnh 5, tiểu khu 338, khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đến thời điểm cuối tháng 10/2015 chỉ mang tên dự án 661, là tài sản thuộc sự

quản lý của Công ty TNHH MTV LNBK, ông Bùi Quốc T6 ký hợp đồng với LTBT đã được chi trả tiền công hỗ trợ chăm sóc rừng, nhằm cung cấp gỗ làm nguyên liệu của LT và Công ty LNBK, không nhằm mục đích xóa đói, giảm nghèo.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. *Tại Cáo trạng số 53/CT-VKSBK-P1 ngày 22/11/2021 của VKSND tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Lục Thế T và Văn Tiến H về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:*

*Tuyên bố: Bị cáo Lục Thế T và Văn Tiến H phạm tội: "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

- Áp dụng: khoản 1, khoản 4 Điều 356; Điều 36; Điều 41; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với Lục Thế T.

+ Xử phạt: Bị cáo Lục Thế T từ 12 (mười hai) đến 15 (mười năm) tháng cải tạo không giam giữ, buộc khấu trừ thu nhập từ 05% đến 10%/tháng. Hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 356; Điều 36; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với Văn Tiến H.

+ Xử phạt: Bị cáo Văn Tiến H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung.

*Vật chứng vụ án: 01 (một) quyển sổ màu đen, bên trong có 76 trang do bị cáo Văn Tiến H tự nguyện giao nộp, trong có ghi chép tài liệu liên quan đến việc chi trả tiền công chăm sóc và bảo vệ cho các hộ dân tại thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn được lưu trong hồ sơ vụ án.

*Về trách nhiệm dân sự: Không.

*Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng, mong Hội đồng xét xử xem xét xử với mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận: Khoảng cuối tháng 10 năm 2015, Lục Thế T là Phó Giám đốc phụ trách LTBT cùng Văn Tiến H cán bộ

LTBT, phụ trách tiểu khu Lâm nghiệp Đ, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao tự ý bán trái phép 05 lô rừng trồng cây Keo, Mỡ, Bạch đàn thuộc trách nhiệm quản lý, ở khu vực khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn cho ông Hoàng Văn C1 với số tiền 50.000.000,đ (*năm mươi triệu đồng*), mục đích của T và H để hưởng lợi số tiền chênh lệch từ 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) đến 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) giữa giá C1 mua và giá trị thực tế của các lô rừng. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, thủ tục khai thác, hành vi của T, H đã bị Công ty TNHH MTV LNBK phát hiện.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Bắc Kạn đối với 392 cây gỗ bị khai thác, chỉ còn lại phần gốc tại các lô p, q, p1 khoảnh 5, tiểu khu 338, khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giá trị thiệt hại: 27.080.000,đ (*hai mươi bảy triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTSC, ngày 12/3/2021, của hội đồng định giá thường xuyên cấp tỉnh đối với 06 cây gỗ keo bị khai thác, chỉ còn lại phần gốc tại các lô: ô, ơ, khoảnh 5, tiểu khu 338, khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, giá trị thiệt hại là 490.000,đ (*bốn trăm chín mươi nghìn đồng*).

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm. Xét về vai trò của từng bị cáo thì Lục Thế T có vai trò chỉ đạo, khởi xướng việc thực hiện tội phạm. Còn Văn Tiến H có vai trò thấp hơn, với vai trò là nhân viên, tuy có được T bàn bạc nhưng cũng chỉ làm theo sự chỉ đạo của T, nên bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo H.

[3] Hành vi nêu trên của Lục Thế T và Văn Tiến H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...
4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”.

Cáo trạng số 53/CT-VKSBK-P1, ngày 22/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là vi phạm quy định của pháp luật, vì động cơ vụ lợi đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, phải được xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân các bị cáo:

Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là: Người phạm tội bồi thường thiệt hại; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Lục Thế T trong quá trình công tác nhiều lần được Công ty TNHH MTV LNBK, Chủ tịch UBND huyện B tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc, năm 2008 và 2010 được

Công ty TNHH MTV LNBK tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống mỹ cứu Nước; Bị cáo Văn Tiến H năm 2010 và 2011 được Công ty TNHH MTV LNBK tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và bị cáo có Bác ruột là Liệt sỹ. Xét các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, để tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm, có cơ hội được tiếp tục làm ăn lương thiện nên cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định của Điều 36 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng răn đe và cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Lục Thế T có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên phải khấu trừ thu nhập cá nhân đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Văn Tiến H hiện nay bị cáo đang lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Trong vụ án còn có:

Đối với Mạc Hoàng T5 - cán bộ phụ trách phần kỹ thuật và bảo vệ rừng tại LTBT. Qua điều tra xác định: Khoảng cuối năm 2015, T5 được T đưa cho số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) tại phòng làm việc và nói tiền do người mua rừng cảm ơn, T5 không biết số tiền ai đưa cho T để cảm ơn LT và cũng không hỏi T về việc này. Trước đó, T5 được ký vào biên bản bàn giao hiện trường khai thác gỗ rừng trồng cho bên mua là ông Hoàng Văn C1 nhưng địa điểm ghi trong biên bản là các lô, khoảnh đã được cấp phép khai thác theo quy định. Bản thân T5 không biết việc T và H bán trái phép gỗ rừng trồng cho ông C1. Năm 2016 khi phát hiện các lô rừng trồng tại khu vực Khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn bị khai thác mà chưa có hồ sơ thiết kế, giấy phép khai thác, T5 đã báo cho Công ty TNHH MTV LNBK biết, T5 không biết và không được tham gia vào việc T, H tự ý bán rừng của LT. Sau khi vụ việc bị ông ty phát hiện, T5 bị Công ty kiểm điểm và nộp số tiền 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*). Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với T5 là có căn cứ.

Đối với Hoàng Văn C1 là người trực tiếp mua rừng trồng của LTBT với Lục Thế T và trực tiếp tổ chức khai thác rừng trồng nhưng chưa có hồ sơ khai thác lâm sản theo quy định tại Thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ, vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Quá trình điều tra xác định, trước khi mua và tổ chức khai thác T đã đồng ý bán và cho phép C1 khai thác (theo thỏa thuận giữa T và C1 thì LTBT có trách nhiệm làm hồ sơ khai thác lâm sản theo quy định). Sau đó C1 được T, H cung cấp hồ sơ, tài liệu có chữ ký của T và dấu xác nhận của LTBT để C1 khai thác nên C1 đã thuê người khai thác rừng trồng mà không biết LTBT và T chưa làm hồ sơ khai thác lâm sản theo quy định. Nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Hoàng Văn C1 về hành vi khai thác rừng trái phép là đúng quy định.

Về nội dung Lục Thế T, Văn Tiến H cung cấp hồ sơ, tài liệu có xác nhận của LTBT để C1 khai thác rừng, qua điều tra xác định: LTBT có thẩm quyền lập hồ sơ khai thác rừng, tuy nhiên hồ sơ, tài liệu của LT đưa cho Hoàng Văn C1 chưa đủ thủ tục theo Thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; mặt khác mục đích của T, H là bán trái phép rừng cho C1 để kiếm lời, do vậy cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm về việc lập hồ sơ, tài liệu khai thác rừng của T và H.

Đối với những người dân Hoàng Văn C1 thuê để khai thác gỗ rừng trồng sau khi mua với LTBT gồm: ông Trịnh Đình D; ông Lưu Đình C3; ông Chu Kế D1 và ông Nông Phúc Đ1. Quá trình điều tra xác định, khoảng cuối năm 2015 những người trên được C1 thuê khai thác các lô rừng tại khu vực Khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn cùng một số người dân khác ở trong và ngoài địa phương (không xác định tên, tuổi và địa chỉ cụ thể). Khi khai thác có sử dụng dao, máy cưa lóc (hiện nay đã hư hỏng và bán sắt vụn), những người này biết các lô rừng được C1 mua với LTBT, nhưng không biết việc T, H bán rừng trái phép cho C1 và có hồ sơ khai thác lâm sản theo quy định hay không. Cơ quan điều tra không xem xét về trách nhiệm đối với các ông Trịnh Đình D, Lưu Đình C3, Chu Kế D1 và Nông Phúc Đ1 là có căn cứ.

Đối với Phạm Thị T10: Quá trình điều tra xác định T10 là cán bộ văn thư quản lý con dấu của LTBT, trực tiếp tiếp nhận từ Văn Tiến H Biên bản kiểm tra xác minh hiện trường và đóng dấu đỏ lên phần chữ ký của Lục Thế T kèm theo dấu chức danh và dấu tên rồi đưa lại cho H. Việc Phạm Thị T10 đóng dấu là thực hiện theo chức trách nhiệm vụ được giao, khi thấy Lục Thế T Phó Giám đốc phụ trách có chữ ký thì đóng dấu theo quy định, T10 không được bàn bạc và không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của T và H. Vì vậy cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm với T10 là có căn cứ.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo Lục Thế T còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định của pháp luật. Bị cáo Văn Tiến H không có tài sản riêng và không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[7] Về vật chứng trong vụ án:

- 01 (một) quyển sổ màu đen, bên trong có 76 trang do bị cáo Văn Tiến H tự nguyện giao nộp, trong có ghi chép tài liệu liên quan đến việc chi trả tiền công chăm sóc và bảo vệ cho các hộ dân tại thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đây là chứng cứ nên cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: ông Phùng Văn H1, Giám đốc LTBT được Công ty TNHH MTV LNBK ủy quyền để tham gia vụ án với vai trò Nguyên đơn dân sự đại diện cho Công ty, ông Phùng Văn H1 không có yêu cầu và đề nghị về trách nhiệm dân sự đối với Lục Thế T và Văn Tiến H.

Đối với các hộ dân gồm ông Bùi Quốc T6; ông Lưu Đình T8 và ông Lưu Đình T9 (hiện đã chết) có hợp đồng ký kết với LTBT nhận khoán trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng tại các lô: p, q, ô, ơ, p1 khoảnh 5, tiểu khu 338 thuộc khu vực khe K, thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vào cuối tháng 10 năm 2015 ông T6, ông T7 kiểm tra rừng phát hiện các lô rừng của gia đình quản lý chăm sóc, đang khai thác mà chưa được LT thông báo và chi trả tiền hỗ trợ công chăm sóc, bảo vệ rừng nên đã ngăn chặn việc khai thác trái phép và đề nghị LTBT làm rõ. Sau đó T, H và C1 đã trực tiếp đến nhà ông T6, ông T7, ông T8 (đối với hộ ông T9 chỉ có H và C1 đến) để thỏa thuận và trả tiền công chăm sóc bảo vệ rừng cho các hộ dân. Quá trình điều tra các hộ dân này không có yêu cầu, đề nghị đối với Lục Thế T và Văn Tiến H.

Về khoản tiền 50.000.000,đ (năm mươi triệu đồng) Hoàng Văn C1 mua rừng với T, H. Trong đó trả cho 3 (ba) hộ có rừng khoảng 25.000.000,đ (hai mươi năm triệu đồng), còn lại khoảng 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng) đưa cho T, H và T10. Quá trình điều tra, ông C1 không đề nghị T, H trả lại số tiền trên.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lục Thế T và Văn Tiến H phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

*Áp dụng: khoản 1, khoản 4 Điều 356; Điều 36; Điều 41; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Lục Thế T.

-Xử phạt: Bị cáo Lục Thế T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày HKL thành phố B, tỉnh Bắc Kạn được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho HKL thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Lục Thế T là 5%, trong thời gian chấp hành hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Lục Thế T đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

*Áp dụng: khoản 1 Điều 356; Điều 36; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Văn Tiến H.

-Xử phạt: Bị cáo Văn Tiến H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 01 (một) quyển sổ màu đen, bên trong có 76 trang do bị cáo Văn Tiến H tự nguyện giao nộp, trong có ghi chép tài liệu liên quan đến việc chi trả tiền công chăm sóc và bảo vệ cho các hộ dân tại thôn Q, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lục Thế T và Văn Tiến H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn dân sự và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND thành phố Bắc Kạn (01b);
- Công an thành phố Bắc Kạn (02b);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn
(Khi án có hiệu lực - 01b);
- Sở Tư pháp;
- Người tham gia tố tụng (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tư